

MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ THEO HƯỚNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

ThS. TRINH HUẾ
Trường Đại học Tây Đô

Trong những năm gần đây, vấn đề chất lượng giáo dục đã được xã hội nói chung và ngành giáo dục nói riêng rất quan tâm. Một trong những nhân tố góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục chính là công tác quản lý giáo dục. Để thực hiện mục tiêu này Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục. Ở cấp trường, nhất là các trường đại học, vấn đề quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng đang còn thiếu cả về cơ sở lý luận lẫn cơ sở thực tiễn; đây là vấn đề cấp thiết đang được đặt ra.

1. Quan niệm về chất lượng và chất lượng dạy học

Với quan niệm tuyệt đối thì thuật ngữ “chất lượng” được dùng cho những sản phẩm, những đồ vật hàm chứa những phẩm chất, những tiêu chuẩn cao nhất khó có thể vượt qua được. Nó được dùng với nghĩa chất lượng cao (high quality), hoặc chất lượng hàng đầu (top quality), và do đó sẽ có ít trường hợp đạt được.

Với quan niệm tương đối thì chất lượng có hai mặt: Thứ nhất, chất lượng là sự đạt được mục tiêu (phù hợp với tiêu chuẩn) do người sản xuất đề ra; ở khía cạnh này, chất lượng được gọi là chất lượng bên trong. Thứ hai, chất lượng là sự thỏa mãn những đòi hỏi, yêu cầu của người tiêu dùng, của xã hội; ở khía cạnh này chất lượng được gọi là chất lượng bên ngoài. Quan niệm này về chất lượng trong hoạt động sản xuất, dịch vụ hoàn toàn có thể áp dụng cho hoạt động dạy học và đào tạo.

2. Quan niệm về quản lý chất lượng dạy học

Trong TCVN ISO 8402-1994 của Tổng cục Đo lường, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về những tiêu chuẩn về chất lượng có định nghĩa về quản lý chất lượng như sau: “Quản lý chất lượng là tập hợp những hoạt động của chức năng quản lý chung xác định chính sách chất lượng, mục đích, trách nhiệm và thực hiện chúng thông qua các biện pháp như lập kế hoạch chất lượng, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng trong khuôn khổ hệ thống chất lượng”.

Nội dung công tác quản lý chất lượng dạy học gồm:

- Tổ chức, thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng, bao gồm cả việc đưa ra chính sách chất lượng, lập kế hoạch chất lượng; **xây dựng các chuẩn dạy học** và xác định **mục tiêu dạy học** cần đạt được;
- Quản lý việc **triển khai hệ thống quá trình dạy học** để đạt được các mục tiêu và chất lượng đã đề ra;

- **Kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng**, xác định nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Luôn luôn cải tiến, nâng cao chất lượng, tiến tới đạt được mục tiêu, tiêu chuẩn dạy học đã đề ra, và ở mức độ chất lượng cao hơn là “mức chuẩn” đã kiểm định và công nhận.

Theo Sallis Edward, có 3 **phương thức quản lý chất lượng** sau:

• **Kiểm soát chất lượng (Quality Control)** là phương thức quản lý chất lượng lâu đời nhất. Có thể thấy, đặc trưng nổi bật nhất của phương thức quản lý chất lượng này là khâu kiểm soát chất lượng sản phẩm (thường gọi tắt là KCS) để phát hiện và loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng, trước khi đưa ra thị trường. Hệ quả tất yếu kéo theo là sự xuất hiện phế phẩm và là một sự lãng phí không nhỏ

• **Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance)**: Khác với phương thức kiểm soát chất lượng, phương thức đảm bảo chất lượng làm nhiệm vụ phòng ngừa trước sự xuất hiện của các sản phẩm không đủ tiêu chuẩn. Quá trình diễn ra trước và trong suốt quá trình sản xuất, đảm bảo rằng các sản phẩm ở cuối quá trình là không có lỗi.

Việc quản lý chất lượng đảm bảo đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện quá trình và hệ thống các thủ tục giám sát việc thực hiện quá trình. Chất lượng của sản phẩm ở từng công đoạn sẽ được quy vào trách nhiệm của người trực tiếp sản xuất.

• **Quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management -TQM)** là phương thức quản lý chất lượng gần gũi với phương thức đảm bảo chất lượng, song được nâng cao hơn. Với hình thức này vấn đề chất lượng sản phẩm được thấm nhuần trong ý thức của mọi thành viên của cơ sở. Mọi người đều tự giác nhận thấy trách nhiệm của mình trước khách hàng và có ý thức không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm để thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách.

3. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng dạy học công nghệ thông tin ở Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ

Việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng dạy học công nghệ thông tin (CNTT) ở Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ cần được thực hiện theo các bước dưới đây.

• **Hình thành chiến lược chất lượng của nhà trường**

Trên thực tế, hiện nay các cơ sở dạy học đều có một tập hợp các phương thức quản lý chất lượng của riêng mình, nhưng còn thiếu tính hệ thống, và đặc biệt là hiệu quả quản lý chất lượng chưa cao. Việc hệ thống hóa và hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng hiện nay trong mỗi cơ sở dạy học thành một "hệ thống đảm bảo chất lượng" là bước đầu tiên cần thực hiện.

Sau khi xây dựng chiến lược, trường cần phổ biến rộng rãi chiến lược chất lượng của nhà trường; cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên nhà trường, tổ chức tập huấn cho họ các thủ tục và quy định mà họ sẽ phải thực hiện.

• **Quản lý chất lượng trong quá trình xác định mục tiêu dạy học của nhà trường**

Nếu *Chuẩn đầu ra* (mục tiêu dạy học) của nhà trường không đáp ứng được *nhu cầu của xã hội* thì dù nhà trường có cố gắng đến đâu đi chăng nữa sản phẩm của nhà trường vẫn sẽ không được người sử dụng, thị trường lao động hay xã hội chấp nhận. Nhà trường có thể đạt được chất lượng bên trong nhưng vẫn không có được chất lượng ngoài. Vì vậy, nhà trường cần xây dựng được quy trình đảm bảo với sự phù hợp tối đa giữa mục tiêu dạy học và nhu cầu sử dụng, thực hiện dạy học theo nhu cầu của xã hội.

• **Quản lý chất lượng trong quá trình xây dựng nội dung chương trình dạy học**

Nội dung chương trình dạy học là một bước cụ thể hóa mục tiêu dạy học của nhà trường. Hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường cần có những quy định, những thủ tục đảm bảo chất lượng nội dung chương trình dạy học của mình.

• **Quản lý chất lượng trong quá trình dạy học CNTT của nhà trường**

Quản lý chất lượng dạy học môn học CNTT của thầy và trò (trong và ngoài lớp học) là khâu then chốt mà đa số các trường đã và đang nỗ lực thực hiện.

• **Xây dựng mối quan hệ nhà trường và thị trường lao động trong dạy học CNTT**

Nhà trường cần tìm kiếm và đưa ra được các giải pháp có hiệu quả để tạo ra mối quan hệ hai chiều bền vững giữa thị trường lao động (gia công phần mềm; dịch vụ IT...) với nhà trường sao cho chất lượng của sản phẩm do nhà trường đào tạo ra thỏa mãn tối đa yêu cầu của người sử dụng.

• **Điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống đảm bảo chất lượng dạy học CNTT trong nhà trường**

• **Điều kiện về cơ sở pháp lý**

Dạy học CNTT phụ thuộc nhiều vào các bản quyền phần mềm; việc liên kết để tạo ra các phần mềm mã nguồn mở, chất lượng là cần thiết. Một hành lang pháp lý đầy đủ, thông thoáng và đồng bộ sẽ giúp nhà trường hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của mình. Một cơ sở pháp lý trong hệ thống đảm bảo chất

lượng của nhà trường luôn đi kèm sự kiểm định công nhận chất lượng của cơ quan quản lý cấp trên hoặc của cơ quan kiểm định độc lập.

• **Điều kiện về nguồn lực**

Nguồn lực ở đây bao gồm nhân lực, vật lực và tài lực. Vấn đề chất lượng trong dạy học, đào tạo đang là mối quan tâm của toàn xã hội. Việc đưa một phương thức quản lý chất lượng dạy học mang tính hệ thống và có hiệu quả cao vào nhà trường là cấp thiết hiện nay, tuy nhiên, đây là một vấn đề mới, việc đầu tư cho nghiên cứu thí điểm là hết sức cần thiết. Đồng thời cần đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thì mới phát huy tốt những ưu điểm của nó. Xã hội hóa giáo dục cũng là một trong những cách để tăng nguồn lực cho đầu tư giáo dục.

5. Một số biện pháp quản lý dạy học CNTT tại Trường ĐHTĐ theo hướng bảo đảm chất lượng

5.1. Quản lý đổi mới mục tiêu, chương trình dạy học

Một chương trình *nội dung dạy học khoa học, thực tiễn, hiện đại* sẽ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và kĩ năng một cách sinh động, dễ dàng và hữu ích. Để quản lý xây dựng mục tiêu chương trình, trường phải có quy định kế hoạch thống nhất cho việc xây dựng mục tiêu phù hợp với Luật Giáo dục, điều lệ trường đại học và sứ mạng của nhà trường, chương trình nội dung dạy học theo năng lực, thành lập dự án phát triển chương trình trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT; nhóm giảng viên (GV) kinh nghiệm trong và ngoài trường tham gia; nguồn lực cho hoạt động; thử nghiệm, tập huấn chương trình....

Quản lý thực hiện chương trình dạy học. Thành lập bộ máy quản lý thực hiện chương trình dạy học có cả các GV có kinh nghiệm chuyên môn tham gia. Khuyến khích các GV có trình độ và nhiều kinh nghiệm truyền thụ kinh nghiệm và hiểu biết của mình cho các GV trẻ, ít kinh nghiệm thông qua các tiết thao giảng, dự giờ, góp phần xây dựng tổ chuyên môn đoàn kết.

Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chương trình: Kiểm tra, đánh giá qua tổng kết các ý kiến phản hồi từ các tổ chuyên môn... để đưa ra hội đồng khoa học thực hiện chương trình (Ban giám hiệu (BGH), Thanh tra, Công đoàn, Tổ chuyên môn...). Các khoa cần xem xét quyết định trong cuộc họp định kì.

Mục tiêu chương trình cũng như nội dung chương trình phải được cập nhật, bổ sung hàng năm các kiến thức mới và cần thiết; bỏ bớt đi các vấn đề không thật sự cần thiết.. Phải hướng mục tiêu dạy học, kết quả đào tạo vào nhu cầu của xã hội.

5.2. Quản lý công tác giảng dạy, nâng cao trình độ của GV

Quản lý công tác giảng dạy của GV bao gồm những nội dung sau:



• **Quản lí nền nếp dạy và học** là quản lí việc chấp hành các quy định (điều lệ, chế độ, nội quy...) về hoạt động giảng dạy, giáo dục của GV và hoạt động học tập, rèn luyện của SV, đảm bảo cho các hoạt động đó được tiến hành có nền nếp, ổn định, nghiêm chỉnh, tự giác, có hiệu suất và chất lượng cao. Mục đích cuối cùng của việc quản lí nền nếp dạy và học là nâng cao chất lượng và hiệu quả của dạy học.

Các biện pháp quản lí nền nếp dạy và học chủ yếu thông qua việc xây dựng và thực hiện thời khoá biểu của trường, khoa với việc quản lí các vấn đề như: ghi chép sổ đầu bài, giám sát trật tự và thời gian ra vào lớp của giảng viên và sinh viên, quản lí dự phòng giờ trống trên lớp, quản lí việc điều chỉnh thời khóa biểu.

• **Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ**

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ là một biện pháp chỉ đạo nền nếp dạy học vừa có tính chất quản lí hành chính vừa có yếu tố sư phạm, bao gồm hai loại hình cơ bản là: i) Sinh hoạt giao ban hàng tuần giữa các lãnh đạo BGH và cán bộ quản lí (CBQL); CBQL với GV, và ii) Sinh hoạt chuyên môn ở các tổ bộ môn, ban chuyên môn.

Các biện pháp cơ bản tổ chức sinh hoạt chuyên môn gồm có: Lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo các chủ đề thiết thực nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Vấn đề quan trọng ở đây là phải đa dạng hoá các loại hình và cách thức tổ chức sinh hoạt, tạo điều kiện cho mọi người trình bày được kinh nghiệm của mình, đồng thời tiếp thu, học hỏi được những vấn đề mới bổ ích, tránh đơn điệu, nhàm chán.

• **Kiểm tra, đánh giá kết quả và tổng kết rút kinh nghiệm**

Nhà trường áp dụng hai loại biện pháp kiểm tra, đánh giá nền nếp dạy và học: i) Tổ chức kiểm tra định kì (có báo trước) thường nhằm mục đích vừa đánh giá vừa rút kinh nghiệm về việc tổ chức thực hiện, kể cả về dự giờ, và ii) Tổ chức kiểm tra đột xuất nhằm đánh giá mức độ ổn định thực hiện nền nếp sinh hoạt. Công tác tổng kết rút kinh nghiệm cũng rất quan trọng để tiếp tục hoàn thiện công tác quản lí nề nếp sinh hoạt chuyên môn.

5.3. Quản lí công tác nghiên cứu khoa học- tự học tập nâng cao trình độ của giảng viên

Các hình thức bồi dưỡng nâng cao trình độ GV bao gồm:

- Bồi dưỡng ngắn hạn;
- Học tập trung, dài hạn;
- Tham gia thực hành sản xuất, thực tập, tham quan, nghiên cứu khoa học;
- Hội thảo và hội giảng;
- Tự học tập nâng cao trình độ.

Quản lí đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên bao gồm:

- Nắm bắt và phổ biến kịp thời cho GV những thông tin, chỉ thị của các cấp quản lí nhà nước về việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH);
- Cử người tham dự các lớp tập huấn chương trình bồi dưỡng đổi mới PPDH;
- Tổ chức những chuyên đề đổi mới PPDH để GV có thể rút kinh nghiệm, học hỏi và thực tập;
- Coi việc đổi mới PPDH như là một trong những tiêu chí đánh giá tiết dạy, đánh giá kết quả thi đua cuối năm học;
- Đổi mới các phương tiện, thiết bị, kĩ thuật hỗ trợ dạy học.

5.4. Quản lí chất lượng học tập của sinh viên

Cần áp dụng một số biện pháp quản lí nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV:

- **Tổ chức lớp học tự quản:** Phòng Quản lí SV và Phòng Đào tạo quản lí toàn bộ hồ sơ (thông tin) SV ngay từ khi được tuyển vào trường, phân loại, sắp lớp, chia tổ, nhóm phù hợp. Hướng dẫn bầu lớp trưởng, lớp phó học tập, lớp phó phong trào, tổ trưởng, tổ phó... Phân công GV chủ nhiệm/cố vấn học tập trực tiếp hướng dẫn các hoạt động của lớp cùng với tập thể cán bộ lớp theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT và của trường... Đây là khâu then chốt tác động đến tất cả các sinh hoạt của tập thể lớp sau này, tác động tích cực đến các mặt sinh hoạt của lớp, trong đó có phong trào nâng cao chất lượng học tập của lớp;
- Tổ chức các khóa học tập, rèn luyện các kĩ năng mềm cho SV dưới nhiều hình thức sinh động, vui mà học;
- Đẩy mạnh các hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội SV;
- Xây dựng mối quan hệ định kì với gia đình SV;
- Quản lí hoạt động tự học của SV.

GV chủ nhiệm, cán bộ lớp là những người phối hợp điều hành hoạt động của các nhóm tự học.

5.5. Quản lí công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Cán bộ quản lí cần nắm được tình hình GV thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV như nộp đề thi, đáp án, tham gia coi thi, chấm, lên điểm, trả bài thi, chấm phúc khảo... theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của trường.

5.6. Quản lí cơ sở vật chất phục vụ dạy học

Dạy học CNTT cần máy vi tính và những thiết bị chuyên ngành để thử nghiệm và thực tập rèn luyện. Trang thiết bị càng đầy đủ và sử dụng đúng cách sẽ giúp cho công tác dạy và học càng có hiệu quả. Quản lí cơ sở vật chất phục vụ dạy học theo hướng đảm bảo các vấn đề sau:

- Các phòng học vi tính phải thoáng mát, phải

đảm bảo các tiêu chuẩn kĩ thuật khác như bàn ghế, ánh sáng, không có bụi và thuận tiện cho GV để hướng dẫn SV;

- Máy phải có cấu hình đủ mạnh và các thiết bị đi kèm đồng bộ. Trang bị đồng bộ cơ sở vật chất sẽ gia tăng chất lượng dạy và học, đồng thời làm tăng hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất;

- Cài đủ các phần mềm cần thiết cho học tập của SV;

Hàng năm có kế hoạch mua sắm, đầu tư máy móc thiết bị bổ sung mới theo đúng yêu cầu từ các khoa, trung tâm... để phục vụ công tác dạy học cho năm học; các kế hoạch mua sắm cần được tham khảo ý kiến của tổ chuyên môn và bảo đảm đáp ứng nhu cầu dạy học;

Cần quản lí tốt các thiết bị và kịp thời sửa chữa các thiết bị hư hỏng.

5.7. Quản lí công tác nâng cao trình độ cán bộ QLGD

Đa số cán bộ QLGD xuất thân từ GV nên không có nghiệp vụ quản lí mà chỉ có nhiều kinh nghiệm quản lí giáo dục và đào tạo. Nếu được bồi dưỡng thêm kiến thức và kĩ năng quản lí giáo dục thì hiệu quả quản lí giáo dục sẽ rất lớn. Đây là biện pháp then chốt có tầm ảnh hưởng đến toàn bộ các biện pháp còn lại vì "Quản lí là nguyên nhân của mọi nguyên nhân của thắng lợi hay thất bại".

QUY TRÌNH VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO... (Tiếp theo trang 36)

chuyên gia. Việc kết hợp ăn ý giữa các chuyên gia làm việc trong các cơ quan nhà nước, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp với các nhà thực hiện dự báo là sự quyết định thành công của kết quả dự báo.

5. Kết luận

Có rất nhiều phương pháp DBNCNL; tùy theo đối tượng dự báo và các số liệu thu thập được mà người thực hiện dự báo sẽ lựa chọn phương pháp phù hợp. Quyết định lựa chọn phương pháp nào để thực hiện là việc làm quan trọng nhất của các chuyên gia dự báo. Các chuyên gia dự báo đều thấy rằng không thể đưa tất cả các nhân tố vào một mô hình cụ thể được, giải quyết vấn đề này trong thực tế là đưa ra các giả thiết và việc xây dựng các giả thiết cần phải thận trọng. Việc xây dựng một mô hình dự báo phải được xuất phát từ chính nền kinh tế của mỗi nước và phải thực hiện đúng với quy trình dự báo. Khi áp dụng một mô hình đã được sử dụng có hiệu quả của một nền kinh tế khác thì phải điều chỉnh và làm cho nó thích hợp với nền kinh tế của nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Mạnh Hùng, Đề tài V2004-01: *Một số vấn đề lí luận về dự báo giáo dục*, Hà Nội, 2005.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức, *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2011.

2. Nguyễn Lộc, *Khoa học Quản lí Giáo dục*, Viện KHGD Việt Nam, Hà Nội, 2008.

3. Nguyễn Đức Trí, *Quản lí quá trình đào tạo trong nhà trường*, NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 2010.

SUMMARY

The author has presented a number of perceptions regarding quality, teaching quality management, content of teaching quality management, steps involved in developing the teaching quality assurance system for teaching IT at Tay Do University in Can Tho. Also, the author has proposed some measures for management of IT teaching at this university, including: managing the renovation of teaching goals and programs; management of teaching and enhancing of lecturer's qualifications; management of science research and self-study to raise competences among lecturers; management of learning quality among students; management of testing and assessment of learning achievements of students; management of physical infrastructure to cater to teaching; and management of increasing qualifications among educational administrators.

2. Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê, 2008.

3. Nguyễn Khắc Minh, Khoa Toán – Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, *Các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2002.

4. Francis X. Diebold, University of Pennsylvania, *Elements of Forecasting*, Thomson - South - Western.

5. J. Scott Armstrong, *Các nguyên tắc của dự báo: Sổ tay cho nhà nghiên cứu và nhà thực hành*, Kluwer Academic Publishers, 2001.

SUMMARY

In this article, the author has generalized the forecasting procedure of 5 steps: 1/ selecting forecasting subjects and periods; 2/ analyzing factors influencing manpower demand of college and university qualifications, selecting variables to include in the forecasting model; 3/ collecting necessary data to serve the basis for the forecasting work; 4/ other related forecasts; 5/ selecting forecasting variables and equations, testing the authenticity of the forecast. Also, the author has presented and analyzed frequently-used forecasting methods including: 1/ Expert forecasting method; 2/ extrapolative forecasting method; 3/ simulation forecasting methods...